TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyển.

2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 92/TB-TA ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Liêu Thị L, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ô 5/151D, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn C (C1), sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ô 5/233, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Trú cùng địa chỉ với anh Nguyễn Tấn C (C1).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 04-7-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Liêu Thị L trình bày:

Do chị với anh Nguyễn Tấn C (C1) cùng vợ của anh C là chị Nguyễn Thị H có quen biết với nhau nên chị có cho anh C vay tiền và tham gia hụi như sau:

- *Về tiền vay:*

Lần 1: Ngày 29-4-2020 âm lịch chị có cho anh C vay số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay anh C có thế chấp cho chị 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho vợ chồng anh C đứng tên ngày 08-01-2016 đối với phần đất có diện tích 299,8 m^2, thuộc thửa đất số 1479, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh để làm niềm tin cho đến khi nào anh C trả nợ xong thì chị sẽ trả lại giấy đất này và việc thế chấp này được ghi chung vào giấy mượn tiền ngày 29-4-2020 âm lịch.

Lần 2: Ngày 18-3-2021 âm lịch chị có anh C vay tiếp tục số tiền 30.000.000 đồng.

Cả 02 lần vay tiền trên hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng với thời hạn vay khoảng vài tháng và anh C có tự đọc, ký tên, ghi họ tên vào chung 01 giấy mượn tiền ghi ngày 29-4-2020 âm lịch. Mục đích anh C vay tiền là để đỗ vật tư cho công trình tại Khu công nghiệp P mà anh C đang làm. Sau khi vay tiền anh C có đóng lãi cho đến tháng 4-2021 âm lịch và kể từ tháng 5-2021 âm lịch do xảy ra dịch bệnh Covid-19 nên anh C ngưng đóng lãi cho đến nay. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh C cho rằng đã trả cho chị số tiền vay gốc 40.000.000 đồng và chỉ thừa nhận còn nợ chị số tiền vay gốc 90.000.000 đồng nên chị cũng đồng ý.

- *Về tiền hụi:*

Anh C có tham gia 03 dây hụi do chị làm chủ hụi gồm:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-11-2020 âm lịch, kết thúc ngày 15-02-2022 âm lịch, gồm 16 phần, anh C tham gia 01 phần và chị hưởng hoa hồng 2.000.000 đồng/tháng. Anh C đã lĩnh hụi vào kỳ đầu tiên được số tiền 52.750.000 đồng và anh C có góp lại tiền hụi chết cho đến tháng 4-2021 âm lịch nên kể từ tháng 5-2021 âm lịch anh C ngưng góp tiền hụi chết cho đến khi kết thúc hụi là 10 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 50.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 23-12-2020 âm lịch, kết thúc ngày 23-02-2022 âm lịch, gồm 15 phần, anh C tham gia 01 phần và chị hưởng hoa hồng 800.000 đồng/tháng. Đến ngày 23-02-2021 âm lịch anh C đã lĩnh hụi được số tiền 22.400.000 đồng và anh C có góp lại tiền hụi chết cho đến tháng 4-2021 âm lịch nên kể từ tháng 5-2021 âm lịch anh C ngưng góp tiền hụi chết cho đến khi kết thúc hụi là 10 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 20.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 22-02-2021 âm lịch, kết thúc ngày 22-4-2022 âm lịch, gồm 15 phần, anh C tham gia 02 phần và chị hưởng hoa hồng 800.000 đồng/tháng. Đến ngày 22-3-2021 âm lịch anh C đã lĩnh 01 phần hụi đầu tiên được số tiền 19.800.000 đồng và đến ngày 22-4-2021 âm lịch

anh C tiếp tục lĩnh hụi đối với 01 phần hụi còn lại được số tiền 22.400.000 đồng. Anh C có góp lại tiền hụi chết cho đến tháng 4-2021 âm lịch nên kể từ tháng 5-2021 âm lịch anh C ngưng góp tiền hụi chết cho đến khi kết thúc hụi là 12 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 02 phần hụi = 48.000.000 đồng.

Tổng 03 dây hụi trên anh C còn nợ chị tiền hụi chết là 50.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 48.000.000 đồng = 118.000.000 đồng.

Vì vậy, tổng cộng anh C còn nợ chị số tiền 208.000.000 đồng, trong đó: Tiền vay gốc 90.000.000 đồng và tiền hụi 118.000.000 đồng nên chị yêu cầu anh C cùng vợ là chị H phải liên đới trả số tiền nợ trên. Đồng thời, chị yêu cầu vợ chồng anh C phải trả tiền lãi của tổng số tiền nợ 208.000.000 đồng như trên tính như trên kể từ ngày 22-4-2022 âm lịch là ngày kết thúc dây hụi cuối cùng, tức là ngày 22-5-2022 dương lịch cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm. Khi nào vợ chồng anh C trả xong số tiền nợ trên thì chị sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh C đã thế chấp.

Chị tự nguyện rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay và hụi mà chị đã yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu là 282.000.000 đồng – 208.000.000 đồng = 74.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi mà anh C đã đóng trước đây thì chị không yêu cầu Tòa án điều chỉnh và giải quyết lại vì hai bên đã thống nhất thỏa thuận đóng lãi như trên, khi giải quyết vụ án này chị cũng đã không yêu cầu anh C phải trả thêm 01 phần tiền lãi lớn chưa đóng trước đây.

Lý do chị yêu cầu chị H có nghĩa vụ liên đới cùng với anh C trả số tiền nợ trên là do nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh C, khi anh C vay tiền và tham gia hụi của chị thì chị H không biết nhưng khi chị đi nhận tiền lãi vay, thu tiền hụi chết thì có lần chị H giao tiền cho chị, cũng có lần anh C giao tiền cho chị. Chị H cũng thừa nhận là biết việc anh C còn nợ chị với số tiền như trên và việc anh C vay tiền của chị dùng để kinh doanh kiếm lời, lĩnh hụi của chị để lo chi phí sinh hoạt, trang trải chung cho gia đình và lo chi phí cho con cái. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn C (C1) trình bày:

Anh thừa nhận có vay tiền cũng như tham gia các dây hụi như chị L đã trình bày. Tuy nhiên, sau khi anh lĩnh dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 15-11-2020 âm lịch anh đã trả lại cho chị L số tiền vay gốc 40.000.000 đồng. Đối với tiền lãi vay mà anh đã đóng cho chị L trước đây thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết lại vì hai bên đã tự nguyện trả lãi mà không bị ai ép buộc, đã giải quyết xong và chị L cũng đã bỏ bớt 01 phần tiền lãi chưa đóng cho anh. Mục đích anh vay tiền và lĩnh hụi của chị L là để trả tiền vật tư sắt, nhôm mà anh kinh doanh cửa sắt, cửa nhôm để kiếm lời sinh hoạt trong gia đình, đóng tiền lãi, tiền hụi chết, tiền hụi sống của các dây hụi khác và còn lại bao nhiêu tiền thì anh lo thuốc than cho mẹ ruột của anh, lo chi phí sinh hoạt chung cho vợ con của anh trong gia đình. Anh không có sử dụng tiền vay và tiền lĩnh hụi này để tiêu xài cá nhân hay cờ bạc riêng tư của anh.

Nay anh xác nhận có nợ và anh đồng ý 01 mình anh có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền hụi 118.000.000 đồng, tổng cộng là 208.000.000 đồng cùng với tiền lãi tính từ ngày 22-4-2022 âm lịch cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm như chị L đã yêu cầu. Anh đồng ý với yêu cầu của chị L là khi nào anh trả xong số tiền nợ cho chị L thì chị L sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh đã thế chấp cho chị L.

Anh không đồng ý về việc vợ anh là chị H có nghĩa vụ liên đới cùng anh phải trả số tiền nợ trên cho chị L vì vợ anh không có nhận tiền vay, tiền hụi từ chị L và anh là người trực tiếp giao dịch với chị L. Tuy nhiên, trước đây khi anh vay số tiền nhỏ và tham gia hụi nhỏ thì vợ anh cũng có biết. Riêng các dây hụi lớn và tiền vay lớn sau này là do anh tự vay, tham gia hụi và vợ anh không biết đến việc này. Mọi việc lo lắng, tiền bạc để sinh hoạt, chi tiêu lớn hay nhỏ trong gia đình đều do 01 mình anh lo lắng, gánh vác và vợ anh không đi làm mà chỉ ở nhà để lo cho con cái. Vợ chồng anh chung sống có đăng ký kết hôn và vợ chồng anh đang sống chung 01 nhà nên khi Tòa án giao các giấy mời cho vợ anh, anh có nhận và cam kết giao lại cho vợ anh nhưng vợ anh chỉ la lối mà không đồng ý đến Tòa án làm việc. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị H để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị H không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là ông Trần Minh Tân phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự (trừ chị H), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 117, 119, 131, 401, 463, 466, 468, 471, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 217, 218, 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L đối với anh C và chị H:

Buộc anh C và chị H trả cho chị L số tiền gốc 208.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Buộc chị L trả lại cho anh C và chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với số tiền 74.000.000 đồng do rút yêu cầu khởi kiện.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu vợ chồng anh C phải trả tiền vay và tiền hụi cùng tiền lãi nên quan hệ pháp luật được Tòa án xác định "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện của chị L:

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu anh C và chị H phải trả tổng số tiền còn nợ 282.000.000 đồng, trong đó: Tiền vay 240.000.000 đồng và tiền hụi 42.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L tự nguyện rút lại 01 phần yêu cầu đối với tiền vay và tiền hụi là 74.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền 74.000.000 đồng như trên và chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của chị L thì thấy:

Chị L yêu cầu anh C và chị H có nghĩa vụ trả số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền hụi 118.000.000 đồng, tổng cộng 208.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C xác nhận có vay tiền, có tham gia các dây hụi và đã lĩnh hụi từ chị L, cho nên hiện anh C còn nợ chị L tổng số tiền 208.000.000 đồng và nay anh C đồng ý có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền nợ này. Vì vậy, việc chị L yêu cầu anh C có nghĩa vụ trả số tiền nợ 208.000.000 đồng như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với các điều 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 16, Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của chị Lthì thấy:

Chị L yêu cầu anh C và chị Hu phải trả tiền lãi của tiền vay và tiền hụi với tổng số tiền 208.000.000 đồng tính từ ngày 22-4-2022 âm lịch, tức là ngày 22-5-2022 dương lịch cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm, tức là 0,83%tháng, 0,027%/ngày và anh C đồng ý trả tiền lãi như chị L

đã yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tiền lãi được tính từ ngày 22-5-2022 dương lịch cho đến ngày xét xử (ngày 13-01-2023) là 07 tháng 21 ngày x 208.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 13.263.660 đồng.

Tiền lãi kể từ ngày 14-01-2023 cho đến khi trả hết số tiền nợ được tiếp tục tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, tổng cộng anh C có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền 221.263.660 đồng, trong đó: Tiền vay 90.000.000 đồng, tiền hụi 118.000.000 đồng và tiền lãi 13.263.660 đồng.

[2.3] Xét nghĩa vụ trả nợ cho chị L thì thấy:

Anh C và chị H chung sống có đăng ký kết hôn và kể từ khi vay tiền, tham gia hụi, lĩnh hụi của chị L cho đến nay anh C và chị H vẫn đang sống chung 01 nhà. Số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh C và chị H nhưng anh C lại cho rằng chị H không biết đến. Anh C xác định mục đích anh vay tiền và lĩnh hụi của chị L dùng vào việc kinh doanh cửa sắt, cửa nhôm để kiếm lời, lo chi phí sinh hoạt chung trong gia đình và lo cho con cái ăn học. Mặc khác, chị H không đi làm mà chỉ ở nhà lo cho con cái và mọi việc chi tiêu, sinh hoạt lớn hay nhỏ trong gia đình đều do 01 mình anh C lo lắng và gánh vác. Hơn nữa, anh C xác định không có cờ bạc, tiêu xài hay mua sắm gì cho cá nhân của anh C. Cho nên, việc anh C cho rằng chị H không có nghĩa vụ cùng với anh C trả số tiền nợ như trên cho chị L là không có căn cứ và không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, có đủ căn cứ để xác định tổng số tiền nợ vay, nợ hụi 208.000.000 đồng của chị L là nợ chung của anh C và chị H nên cần buộc chị H có nghĩa vụ liên đới cùng với anh C trả số tiền nợ như trên cùng với tiền lãi 13.263.660 đồng cho chị L là phù hợp với Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Xét nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy:

Ngày 29-4-2020 âm lịch khi vay số tiền 100.000.000 đồng anh C có thế chấp cho chị L 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho vợ chồng anh C đứng tên ngày 08-01-2016 đối với phần đất có diện tích 299,8 m^2, thuộc thửa đất số 1479, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh để làm niềm tin. Chị L và anh C thỏa thuận khi nào anh C trả hết số tiền nợ thì chị L trả lại bản chính giấy đất trên. Xét thấy, việc thế chấp giấy đất trên giữa chị L với anh C chỉ làm bằng giấy tay được ghi chung với nội dung của việc vay tiền trong giấy mượn tiền ngày 29-4-2020 âm lịch, tức là ngày 21-5-2020 dương lịch mà hai bên không làm hợp đồng cụ thể, không được công chứng hoặc chứng thực nên việc thế chấp trên là không phù hợp theo quy định tại Điều 167 của Luật Đất đai dẫn đến việc thế chấp của hai bên không làm phát sinh hiệu lực. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào các điều 117, 119, 131, 401, 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự để tuyên bố hợp đồng thế chấp ngày 29-4-2020 âm lịch (ngày 21-5-2020 dương lịch) giữa chị L với anh C vô hiệu và buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho anh C và chị H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của chị L được Tòa án chấp nhận nên anh C và chị H phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 147, 217, 218 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 131, 288, 401, 463, 466, 468, 471, 500, 501 và 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 của Luật Đất đai; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Liêu Thị L đối với anh Nguyễn Tấn C (C1) và chị Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Buộc anh C và chị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 221.263.660 *(Hai trăm hai mươi mốt triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi sáu)* đồng, trong đó: Tiền vay 90.000.000 đồng, tiền hụi 118.000.000 đồng và tiền lãi 13.263.660 đồng.

Kể từ ngày 14-01-2023 cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L đối với yêu cầu anh C và chị H trả số tiền vay và hụi 74.000.000 *(Bảy mươi bốn triệu)* đồng.

Chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu trên.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp ngày 29-4-2020 âm lịch (ngày 21-5-2020 dương lịch) giữa chị L với anh C vô hiệu.

Buộc chị L có nghĩa vụ trả lại cho anh C và chị H 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS02651 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh C và chị H đứng tên ngày 08-01-2016 đối với phần đất có diện tích 299,8 m^2, thuộc thửa đất số 1479, tờ bản đồ số 12, đất tọa lạc tại: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh C và chị H có nghĩa vụ liên đới chịu 11.063.183 *(Mười một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi ba)* đồng tiền án phí.

Chị L không phải chịu tiền án phí nên hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 7.225.545 *(Bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi lăm)* đồng theo biên lai thu số 0024652 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Võ Tuấn Anh